

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/DS-ST
Ngày 10 tháng 7 năm 2018
V/v tranh chấp hui họ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Hữu Hưởng;
2. Bà Hà Thị Nhung;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2015/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2015 về tranh chấp hui họ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/QĐST-DS ngày 12/6/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1973. Trú tại: Tiểu khu A, thị trấn H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Bà Lò Thị H, sinh năm 1977. Trú tại: Tiểu khu B, thị trấn H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Bà Trần Thị N, sinh năm 1978. Trú tại: Tiểu khu B, thị trấn H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972. Địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 08/7/2015 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B, bà Lò Thị H và bà Trần Thị N trình bày như sau:

Do có người quen giới thiệu nên bà B, bà H và bà N có góp họ cho bà Nguyễn Thị L, trú tại Tiểu khu B, thị trấn H làm chủ họ. Mục đích góp họ để tiết kiệm hàng tháng. Hình thức chơi là mỗi dây họ gồm 15 người, mỗi người tự nguyện góp họ hàng tháng là 2.000.000VNĐ cho chủ họ là bà Nguyễn Thị L, lần lượt bốc họ và nhận tiền lãi.

Cụ thể dây họ ngày 20/8/2013:

- Bà N tham gia 02 chân họ và đã được bốc 01 chân họ vào tháng thứ 9, bà N nhận đủ 30.000.000VNĐ sau đó bà N tiếp tục đóng họ đến tháng thứ 11 thì bà L thông báo dừng nhận góp họ, do đó chân họ thứ nhất bà N chưa góp họ đủ 04 tháng cuối là 8.000.000VNĐ, chân họ thứ hai bà N đã góp được 11 tháng (từ tháng 08/2013 đến 06/2014), tổng cộng là 22.000.000VNĐ. Sau khi thông báo dừng nhận góp họ, bà L xin số tiền lãi và thỏa thuận thống nhất với bà N trừ 8.000.000VNĐ tiền họ bà N còn chưa góp đủ ở chân họ thứ nhất đã bốc sang chân họ thứ hai, bà L còn phải thanh toán cho bà N số tiền 11.380.000VNĐ thực tế bà N đã nộp họ cho bà L.

- Bà B và bà H mỗi người tham gia 01 chân họ, mỗi người đã tham gia góp họ được 11 tháng (từ tháng 08/2013 đến 06/2014), tổng cộng là 22.000.000VNĐ mỗi chân nhưng chưa được bốc họ. Bà L thông báo dừng nhận góp họ và xin số tiền lãi, bà L có viết giấy xác nhận còn nợ tiền họ bà B và bà H mỗi người là 19.380.000VNĐ là tiền họ thực tế bà B và bà H nộp họ cho bà L.

Sau nhiều lần đến yêu cầu thanh toán số tiền đã góp họ, bà L vẫn không thanh toán bà B, bà H, bà N cùng khởi kiện đề nghị bà L phải thanh toán số tiền họ thực tế mỗi người đã đóng cho bà L và không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà B, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà B yêu cầu bà L phải thanh toán số tiền họ là 19.380.000VNĐ và không yêu cầu tính lãi; bà N yêu cầu bà L phải thanh toán số tiền họ là 11.380.000VNĐ và không yêu cầu tính lãi. Bà H vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn nêu rõ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà L phải thanh toán số tiền họ là 19.380.000VNĐ và không yêu cầu tính lãi.

Theo bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà L xác nhận bà B, bà H và bà N tự nguyện góp họ đây ngày 20/8/2013. Mỗi đây họ có 15 người chơi, mỗi tháng góp 2.000.000VNĐ nhưng không có cam kết cụ thể. Bà L cho rằng chỉ là người giữ tiền và cho người chơi đến bốc họ, trả tiền lãi hàng tháng. Tuy nhiên, đây họ này bà Phạm Thị N tham gia góp họ 05 chân và đã bốc họ. Đến ngày 4/7/2014, bà N bỏ trốn khỏi địa phương cùng số tiền họ của những người chơi. Vì vậy, bà L đã có đơn đề nghị Công an Mai Sơn giải quyết nhưng vẫn chưa có kết quả. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà B, bà H và bà N, bà L cho rằng khi nào đòi được tiền của bà N thì sẽ thanh toán những người chơi trong đây họ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập các đương sự để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên họp nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được và phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 147, 227, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 479 Bộ luật dân sự 2005; Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2006 về họ, hui, biêu phườg; khoản 2 Điều 26, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B, bà Lò Thị H và bà Trần Thị N.

- Buộc bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền họ là 19.380.000VNĐ (Mười chín triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng);

- Buộc bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm trả cho bà Lò Thị H số tiền họ là 19.380.000VNĐ (Mười chín triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng);

- Buộc bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị N số tiền họ là 11.380.000VNĐ (Mười một triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng);

Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị B, bà Trần Thị N và bà Lò Thị H không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận có thỏa thuận về việc chơi họ. Sau khi dừng chơi họ, các bên đã có thỏa thuận số tiền họ bà L đã nhận góp họ, tuy nhiên bà L chưa thanh toán số tiền đã góp họ cho người chơi. Do bị đơn bà L cư trú trên địa bàn huyện Mai Sơn nên Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án tranh chấp hội họ, phù hợp với quy định tại Điều 26 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hội đồng xét xử nhận thấy bà L thừa nhận tư cách chủ họ (cầm cái) nhận tiền góp họ hàng tháng của thành viên (người chơi) và tổ chức bốc họ, trả tiền lãi cho người chơi với mục đích tiết kiệm hàng tháng, tương trợ nhau. Vì vậy, giao dịch họ giữa bà L và bà B, bà H, bà N là có thật, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Căn cứ vào danh sách nộp họ hàng tháng do bà B cung cấp có chữ ký xác nhận nhận tiền hàng tháng của bà L và xác nhận của bà L về việc còn nợ bà B 19.380.000VNĐ, hẹn “*đến ngày 25/9/2015 trả số tiền trên*”; Căn cứ danh sách nộp họ hàng tháng do bà N cung cấp có chữ ký xác nhận nhận tiền hàng tháng của bà L và xác nhận của bà L còn nợ tiền họ là 11.380.000VNĐ; Căn cứ danh sách nộp họ hàng tháng do bà H cung cấp và xác nhận của bà L còn nợ tiền họ là 19.380.000VNĐ. Tất cả các căn cứ này đều chứng minh bà L là người trực tiếp nhận tiền góp họ của bà B, bà H và bà N. Bà L cho rằng bà Phạm Thị N tham gia 05 dây họ đã cầm tiền họ của mọi người và bỏ trốn khỏi địa phương nên chưa thanh toán cho những người chơi. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà L không chứng minh được việc bà N là người cầm tiền. Việc bà L cho bà N bốc họ cũng không có sự bàn bạc thống nhất giữa các thành viên chơi họ nên bà L phải chịu trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số tiền mà bà N, bà H, bà B đã góp họ. Việc không thanh toán tiền cho bà B, bà H, bà N thuộc trách nhiệm của bà L hơn nữa bà L là người có lỗi trong việc cầm cái hội họ, không thông báo cho các thành viên trong dây họ về việc bốc họ làm thất thoát toàn bộ số tiền của người chơi mà bị đơn là người trực tiếp thu tiền, quản lý. Sau khi dừng chơi họ, các bên đã tự thỏa thuận thống nhất trừ đi số tiền lãi, số tiền họ bà L còn nợ bà B là 19.380.000VNĐ; nợ bà H là 19.380.000VNĐ và nợ bà N là 11.380.000VNĐ. Đây là thỏa thuận tự nguyện của chủ họ và thành viên, không trái quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2006 về họ, họ, biểu phượng quy định: “*Trong trường hợp chủ họ đã thu các phần họ của các thành viên nhưng không giao cho thành viên được lĩnh họ thì theo yêu cầu của thành viên có quyền lĩnh họ, chủ họ phải giao các phần họ đã thu được cho thành viên đó và bồi thường thiệt hại nếu có*”. Do bà B, bà N, bà H không yêu cầu tính lãi thể hiện ý chí tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Vì những lý do trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần buộc bà L phải có trách nhiệm thanh toán cho bà B số tiền họ đã thu là 19.380.000VNĐ; thanh toán cho bà H số tiền họ đã thu là 19.380.000VNĐ; thanh toán cho bà N số tiền 11.380.000VNĐ.

[3] Về án phí, lệ phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.507.000VNĐ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 147, 227, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 479 Bộ luật dân sự 2005; Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2006 về họ, họ, biểu phượng; khoản 2 Điều 26, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B, bà Lò Thị H và bà Trần Thị N.

- Buộc bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền họ là 19.380.000VNĐ (Mười chín triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng);

- Buộc bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm trả cho bà Lò Thị H số tiền họ là 19.380.000VNĐ (Mười chín triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng);

- Buộc bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị N số tiền họ là 11.380.000VNĐ (Mười một triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng);

Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị B, bà Trần Thị N và bà Lò Thị H không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.507.000VNĐ (Hai triệu, năm trăm linh bảy nghìn đồng).

Bà Trần Thị N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 485.000VNĐ (Bốn trăm, tám mươi năm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/01539 ngày 08 tháng 7 năm 2015 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn.

Bà Nguyễn Thị B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 485.000VNĐ (Bốn trăm, tám mươi năm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/01537 ngày 08 tháng 7 năm 2015 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn.

Bà Lò Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 485.000VNĐ (Bốn trăm, tám mươi năm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/01538 ngày 08 tháng 7 năm 2015 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các nguyên đơn bà Nguyễn Thị B, bà Trần Thị N có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn bà Lò Thị H và bị đơn bà Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Thị Thu Hà

